

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VẬN DỤNG KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM TẠI CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

● PHẠM NGỌC TOÀN - NGUYỄN THÀNH LONG

TÓM TẮT:

Nghiên cứu nhằm xác định và đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến việc vận dụng kế toán trách nhiệm tại các doanh nghiệp sản xuất ở TP. Hồ Chí Minh. Nghiên cứu được tiến hành trên 180 mẫu khảo sát tại các doanh nghiệp sản xuất ở TP. Hồ Chí Minh. Phương pháp nghiên cứu kết hợp định tính và định lượng với việc sử dụng phần mềm SPSS 22.0. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 5 nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng kế toán trách nhiệm ở các doanh nghiệp sản xuất ở TP. Hồ Chí Minh, bao gồm: Phân quyền nhà quản lý, Cơ cấu tổ chức, Trình độ nhân lực, Nhận thức của nhà quản lý và Hệ thống khen thưởng.

Từ khóa: kế toán trách nhiệm, phân cấp quản lý, trách nhiệm quản lý.

1. Đặt vấn đề

Tại Việt Nam nói chung và TP. Hồ Chí Minh nói riêng, kế toán quản trị (KTQT) và kế toán trách nhiệm (KTTN) hiện còn là lĩnh vực khá mới mẻ. Áp dụng KTTN trong doanh nghiệp (DN) ở TP. Hồ Chí Minh hiện còn nhiều hạn chế, đặc biệt là trong ngành sản xuất, nơi các công ty hoạt động trong phạm vi trải rộng, đa ngành nghề. Bên cạnh đó, việc đánh giá trách nhiệm nhà quản lý bộ phận và toàn công ty còn tồn tại nhiều bất cập. Những vấn đề về chất lượng sản phẩm, mẫu mã, giá thành sản xuất gây ra những vấn đề về xã hội, môi trường cũng thường xuyên diễn ra. Vì vậy, nhu cầu cung cấp thông tin cho nhà quản lý trong việc kiểm soát hoạt động đã và đang trở thành nhu cầu cấp bách cho các DN sản xuất ở TP. Hồ Chí Minh.

Để thực hiện được những vấn đề và các yêu cầu nêu trên, cần thiết phải có một công cụ kiểm soát hữu hiệu, giúp cho nhà quản lý thực hiện việc kiểm soát quản lý trong môi trường cạnh tranh và hội nhập toàn cầu DN muốn phát triển bền vững, cần phải vận dụng hệ thống KTTN cho phù hợp với DN mình. Nhưng để vận dụng tốt được hệ thống KTTN trong DN, cần phải xác định được các nhân tố tác động đến hệ thống KTTN như thế nào, từ đó vận dụng hệ thống KTTN phù hợp với thực tiễn của doanh nghiệp. Điều quan trọng là làm sao để các DN sản xuất tại TP. Hồ Chí Minh vận dụng công cụ KTTN vào quản lý một cách hiệu quả, phù hợp với đặc điểm, điều kiện hoạt động trong giai đoạn hiện nay.

2. Cơ sở lý thuyết, mô hình và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết và mô hình đề xuất

Theo Anthony A. Atkinson và cộng sự (2001), “KTTN là một hệ thống kế toán có chức năng thu thập, tổng hợp và báo cáo các dữ liệu kế toán có liên quan đến trách nhiệm của từng nhà quản lý riêng biệt trong một tổ chức, thông qua các báo cáo liên quan đến chi phí, thu nhập và các số liệu hoạt động bởi từng khu vực trách nhiệm hoặc đơn vị trong tổ chức”.

KTTN thực hiện việc phân chia cấu trúc của một tổ chức thành những trung tâm trách nhiệm khác nhau để đo lường biểu hiện của chúng. Nó là một công cụ để đo lường về kết quả hoạt động của một khu vực nào đó trong tổ chức, qua đó giúp nhà quản trị kiểm soát và đánh giá trách nhiệm quản trị ở từng cấp quản trị khác nhau. Do đó, KTTN có vai trò quan trọng trong công tác kiểm soát và đánh giá hiệu quả của từng bộ phận trong tổ chức, cung cấp thông tin cho nhà quản trị từ cấp cao, cấp trung và cấp cơ sở.

Các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng KTTN trong các DN sản xuất ở TP. Hồ Chí Minh như sau:

- Phân quyền nhà quản lý: Theo Trần Trung Tuấn (2015), phân quyền nhà quản lý được hiểu là sự ủy nhiệm quyền được ra quyết định trong một tổ chức bằng cách cho phép các nhà quản lý ở các cấp hoạt động khác được ra những quyết định trong phạm vi cấp mà mình có trách nhiệm. Sự phân cấp quản lý giao việc ra quyết định đến cấp quản lý thấp nhất nhằm làm cho mọi quyết định đều được thực hiện.

Mục đích của việc phân quyền nhà quản lý giúp cho DN đáp ứng kịp thời, nhanh chóng, phù hợp với tình hình thay đổi của môi trường xung quanh.

Các nhà nghiên cứu cho rằng, KTTN gắn liền với sự phân cấp quản lý. Hệ thống KTTN hoạt động thực sự hiệu quả trong các tổ chức mà sự phân quyền được thực hiện đúng mức và phù hợp với cơ cấu tổ chức. Vì vậy, mục tiêu chính của hệ thống KTTN là hạn chế tối đa bất lợi, đồng thời

giúp cho tổ chức gặt hái được những lợi ích của việc phân cấp quản lý thông qua việc xây dựng các trung tâm trách nhiệm.

Giả thuyết H1: Phân quyền nhà quản lý tác động dương đến việc vận dụng KTTN trong các DN sản xuất ở TP. Hồ Chí Minh.

- Cơ cấu tổ chức: Theo Trần Trung Tuấn (2015) để quản trị, điều hành mọi hoạt động trong một doanh nghiệp, cần có một bộ máy gồm các cấp, các khâu, các bộ phận liên kết và phụ thuộc với nhau theo quan hệ dọc và ngang, có những chức năng, quyền hạn và trách nhiệm xác định. Cơ cấu tổ chức bộ máy DN là tổng hợp các bộ phận khác nhau có mối liên hệ và quan hệ phụ thuộc lẫn nhau được chuyên môn hóa; đồng thời có những trách nhiệm quyền hạn nhất định, được bố trí theo những cấp, những khâu khác nhau, nhằm đảm bảo thực hiện các chức năng quản trị và phục vụ mục đích chung đã xác định của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các bộ phận cần sự hỗ trợ, chia sẻ thông tin qua lại giữa các nhân viên, giữa cấp trên và cấp dưới. Đây cũng là tiền đề tốt cho việc vận dụng KTTN.

Giả thuyết H2: Cơ cấu tổ chức tác động dương đến việc vận dụng KTTN trong các DN sản xuất ở TP. Hồ Chí Minh.

- Trình độ nhân lực kế toán

Theo Mohammad (2104), nguồn lực nhân sự luôn đóng một vai trò quan trọng đối với sự thành bại của các DN. Do đó, vận dụng KTTN vào DN tất nhiên cũng sẽ chịu ảnh hưởng bởi nguồn lực nhân sự, cụ thể là trình độ chuyên môn của nhân viên kế toán. Đây là lực lượng nòng cốt trong việc triển khai và vận dụng KTTN. Nếu trình độ chuyên môn về KTQT nói chung và KTTN nói riêng không đáp ứng yêu cầu sẽ khiến cho việc vận dụng KTTN trong DN không thực hiện được, hoặc thực hiện nhưng không hiệu quả. Do đó, trình độ nhân viên kế toán càng cao, càng dẫn đến khả năng thành công cao khi vận dụng KTTN trong doanh nghiệp.

Giả thuyết H3: Trình độ nhân lực kế toán tác động dương đến việc vận dụng KTTN trong các DN sản xuất ở TP. Hồ Chí Minh.

- Nhận thức của nhà quản lý:

Theo Mohammad (2014), nhà quản lý có nhận thức được tầm quan trọng và vai trò của KTTN thì việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống KTTN mới có chất lượng và hiệu quả. Lợi ích của hệ thống KTTN mang lại chính là làm tăng khả năng trách nhiệm pháp lý nhà quản lý và góp phần làm tăng năng suất lao động. Việc vận dụng KTTN khó thành công hoặc thậm chí không thể vận dụng nếu người chủ/người điều hành DN không hiểu biết về lợi ích do việc vận dụng các công cụ kỹ thuật KTTN mang lại. Chính sự hiểu biết về các công cụ kỹ thuật KTTN mới giúp cho người chủ/người điều hành DN phát sinh nhu cầu về việc vận dụng KTTN vào DN mình, giúp họ đánh giá cao về tính hữu ích của các công cụ kỹ thuật KTTN và không ngần ngại trong việc bỏ chi phí đầu tư vào việc vận dụng KTTN.

Giả thuyết H4: Nhận thức của nhà quản lý tác động dương đến việc vận dụng KTTN trong các DN sản xuất ở TP.Hồ Chí Minh.

- Hệ thống khen thưởng

Theo Trần Trung Tuấn (2015), để có thể thực hiện thành công hệ thống KTTN đòi hỏi các DN phải có hệ thống khuyến khích khen thưởng phù hợp cho từng thành quả của các trung tâm trách nhiệm để góp phần làm tăng hiệu quả hoàn thành công việc trong các trung tâm trách nhiệm tương ứng.

Giả thuyết H5: Hệ thống khen thưởng tác động dương đến việc vận dụng KTTN trong các DN sản xuất ở TP.Hồ Chí Minh.

2.2. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là phương pháp hỗn hợp, kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng để giải quyết các mục tiêu nghiên cứu.

Ở bước nghiên cứu định tính, nhóm tác giả dùng các kỹ thuật định tính để xác định Các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng KTQT trong các DN thông qua việc kể thừa các nghiên cứu trước và thảo luận chuyên gia để xác định các nhân tố phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Ở bước nghiên cứu định lượng, nhóm tác giả xử lý kết quả, thông qua việc khảo sát 180 mẫu ở các

DN sản xuất ở TP. Hồ Chí Minh, thông qua việc phân tích hồi quy và kiểm định các giả thiết của mô hình.

Phương pháp chọn mẫu: Mẫu được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên. Theo Tabachnick& Fidell (2007) khi dùng hồi quy bội, kích thước mẫu n nên được tính bằng công thức sau: $n \geq 50 + 8p$ (p: số lượng biến độc lập), số mẫu được chọn trong bài nghiên cứu là 180 mẫu là phù hợp.

Tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng KTTN trong các DN sản xuất ở TP. Hồ Chí Minh như sau:

$$KTTN = \beta_0 + \beta_1 PQQL + \beta_2 CCTC + \beta_3 TĐNL + \beta_4 NTQL + \beta_5 HTKT + \varepsilon$$

- Trong đó:

+ PQQL: Phân quyền nhà quản lý.

+ CCTC: Cơ cấu tổ chức.

+ TĐNL: Trình độ nhân lực kế toán.

+ NTQL: Nhận thức của nhà quản lý.

+ HTKT: Hệ thống khen thưởng.

+ KTQT: Vận dụng KTTN trong các DN sản xuất ở TP.Hồ Chí Minh.

β_0 : Sai số: Các yếu tố không quan sát được.

3. Kết quả nghiên cứu

Sau khi kiểm định độ tin cậy các thang đo của các biến độc lập và biến phụ thuộc. Tác giả phân tích nhân tố EFA cho các biến độc lập như sau:

Theo kết quả nghiên cứu ở Bảng 1, hệ số KMO = ,7680 (> 0,5) và kiểm định Bartlett có Sig. (P – Value) = 0,000 < 0,05. Do đó, sử dụng mô hình EFA trong đánh giá giá trị thang đo các biến độc lập của nghiên cứu này là phù hợp.

Bảng 1. Kiểm định KMO và Bartlett cho thang đo các biến độc lập

KMO and Bartlett's Test		
Hệ số KMO		.680
Mô hình kiểm tra Bartlett	Giá trị Chi-Square	1522,856
	Bậc tự do	253
	Sig (p - value)	,000

(Nguồn: Kết quả kiểm định mô hình)

Kết quả nghiên cứu ở Bảng 2 cho thấy, hệ số KMO = 0,631 (> 0,5) và kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê với Sig. = 0,000 (< 0,05). Như vậy, việc sử dụng mô hình EFA để đánh giá giá trị thang đo biến phụ thuộc là phù hợp.

Bảng 2. Kiểm định KMO và Bartlett cho thang đo biến phụ thuộc

Hệ số KMO		,631
Mô hình kiểm tra Bartlett	Giá trị Chi-Square	62,162
	Bậc tự do	3
	Sig (p - value)	,000

(Nguồn: Kết quả kiểm định mô hình)

- Kết quả đánh giá mức độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính như sau: (Bảng 3)

Bảng 3 cho thấy, giá trị hệ số R^2 - hiệu chỉnh = 0,632 > 0,5, do vậy, đây là mô hình thích hợp để sử dụng đánh giá mối quan hệ giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập. Ngoài ra, giá trị hệ số R^2 hiệu

chỉnh là 0,632, nghĩa là mô hình hồi quy tuyến tính đã xây dựng phù hợp với dữ liệu 63,2%. (Bảng 4)

Căn cứ vào Bảng 4, phương trình hồi quy tuyến tính bội của Các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng KTTN trong các DN sản xuất ở TP. Hồ Chí Minh, với các hệ số chuẩn hóa như sau:

$$\text{KTTN} = 0.259 \text{ PQQL} + 0.323 \text{ CCTC} + 0.364 \text{ TĐNL} + 0.078 \text{ NTQL} + 0.377 \text{ HTKT}$$

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Mục đích của nghiên cứu nhằm xác định và đo lường mức ảnh hưởng của các nhân tố đến việc vận dụng KTTN trong các DN sản xuất ở TP. Hồ Chí Minh.

Nghiên cứu đã chỉ ra 5 nhân tố có ảnh hưởng đến việc vận dụng KTTN trong các DN sản xuất ở TP. Hồ Chí Minh, với mức độ tác động theo thứ tự từ cao đến thấp như sau: Hệ thống khen thưởng, Trình độ nhân lực kế toán, Cơ cấu tổ chức, Phân quyền của nhà quản lý và Nhận thức của nhà quản lý.

Bảng 3. Đánh giá mức độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính đa biến

Mô hình	Hệ số R	Hệ số R^2	Hệ số R^2 - hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng
1	,807a	,652	,632	,28313

(Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS)

Bảng 4. Bảng kết quả các trọng số hồi quy

Coefficients ^a								
Mô hình		Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	tstat	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
		Beta	Sai số chuẩn	Beta			Hệ số Tolerance	Hệ số VIF
1	(Constant)	,220	,266		,825	,411		
	PQQL	,111	,024	,259	4,637	,000	,930	1,075
	CCTC	,141	,024	,323	5,808	,000	,936	1,068
	TĐNL	,207	,034	,364	6,024	,000	,792	1,262
	NTQL	,029	,022	,078	1,337	,000	,852	1,174
	HTKT	,203	,030	,377	6,744	,000	,926	1,080

(Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS)

4.2. Kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số các kiến nghị về ảnh hưởng của các nhân tố đến việc vận dụng KTTN trong các DN sản xuất ở TP. Hồ Chí Minh như sau:

- Các DN sản xuất ở TP. Hồ Chí Minh cần quan tâm hơn đến KTQT nói chung và KTTN nói riêng. Các nhà quản lý cần tự trang bị và cập nhật kiến thức quản trị cho bản thân, trong đó có KTTN.

- Các DN sản xuất tại TP. Hồ Chí Minh phải lựa chọn mô hình có cơ cấu tổ chức phù hợp với mục tiêu quản lý của các cấp quản trị, quản lý phân cấp rõ ràng, không kiêm nhiệm. Sự phân cấp quản lý phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm sản xuất, quy trình công nghệ, cơ cấu tổ chức quản lý của các DN sản xuất tại TP. Hồ Chí Minh. Nhằm phát huy hiệu quả cao trong việc kiểm soát, quản lý và đánh giá trách nhiệm của các cấp quản lý, giúp nhà quản trị có những thông tin hữu ích trong việc ra quyết định. Khi phân cấp quản lý, nên gắn liền với các trung tâm trách nhiệm. Bên cạnh đó, các DN sản xuất tại TP. Hồ Chí Minh cũng cần xây dựng và hoàn thiện các chỉ tiêu và phương pháp đánh giá hiệu quả hoạt động của từng trung tâm và trách nhiệm quản lý của các nhà quản trị tương ứng. Đồng thời, xây dựng hệ thống báo cáo

KTTN nhằm phản ánh đầy đủ các thông tin về kết quả hoạt động của từng trung tâm trách nhiệm.

- Khi đã đánh giá được hiệu quả công việc và trách nhiệm quản lý, cần có chính sách khen thưởng phù hợp để tạo động lực cho người làm việc yên tâm công tác và cống hiến hết sức mình để phát triển doanh nghiệp. Dựa trên những căn cứ khách quan đó là hệ thống pháp luật về lao động tiền lương của Nhà nước, từ đó xây dựng hệ thống lương thưởng cả về vật chất lẫn tinh thần khi nhân viên hoàn thành nhiệm vụ. Hệ thống khen thưởng tốt chính là yếu tố giữ chân người lao động, nguồn nhân lực ổn định chính là nền tảng thúc đẩy DN ổn định và phát triển.

Bên cạnh đó, các DN cũng nên thường xuyên tập huấn các chế độ chính sách về kế toán, tạo điều kiện hỗ trợ vật chất và thời gian cho nhân viên kế toán của công ty tự nghiên cứu, tự học tập để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ kiến thức về phân tích, thống kê, quản trị học,... để thực hiện các quy trình tổ chức, xây dựng các trung tâm trách nhiệm, xác định các chỉ tiêu đánh giá trung tâm trách nhiệm và lập các báo cáo KTTN theo yêu cầu của nhà quản trị, từ đó cung cấp các thông tin hữu ích cho nhà quản trị ra quyết định. Có như vậy, việc vận dụng KTTN mới trở nên hiệu quả ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Atkinson, A. A., R. D. Banker, R. S. Kaplan and S. M. Young. (2001). *Management Accounting: 3rd edition*. Upper Saddle River: NJ: Prentice Hall.
2. Halyer, S. (2010). Waiting for Direction. *The Accountant*.
3. Mohammad Ebrahim Nawaiseh & ctg. (2014). An Empirical Assessment of Measuring the Extent of Implementing Responsibility Accounting Rudiments in Jordanian Industrial Companies listed at Amman Stock Exchange. *Advances in Management & Applied Economics*.
4. Tabachnick, B. G., Fidell, L. S., & Ullman, J. B. (2007). *Using multivariate statistics (Vol. 5)*. Boston, MA: Pearson.
5. Moses Nyakuwanika & ctg. (2012). An Analysis of Effective Responsibility Accounting System Strategies in the Zimbabwean Health Sector (2003-2011). *Research Journal of Finance and Accounting*.
6. Trần Trung Tuấn, (2015). *Nghiên cứu kế toán trách nhiệm trong các doanh nghiệp sản xuất xi măng Việt Nam*. Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

Ngày nhận bài: 20/1/2021

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 23/2/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 17/3/2022

Thông tin tác giả:

1. TS. PHẠM NGỌC TOÀN

Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

2. ThS. NGUYỄN THÀNH LONG

Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương VI

FACTORS AFFECTING THE APPLICATION OF RESPONSIBILITY ACCOUNTING IN MANUFACTURING ENTERPRISES IN HO CHI MINH CITY

● Ph.D **PHAM NGOC TOAN**¹

● Master. **NGUYEN THANH LONG**²

¹Ho Chi Minh City Industry and Trade College

²Central College of Transport No.6

ABSTRACT:

This study determined and measured the impact of factors on the application of responsibility accounting in manufacturing enterprises in Ho Chi Minh City. 180 survey samples were collected from manufacturing enterprises in the city. Qualitative and quantitative research methods with the use of SPSS 22.0 were used in this study. This study found out that there are 5 factors affecting the implementation of responsibility accounting in manufacturing enterprises in Ho Chi Minh City. These factors are: management decentralization, organizational structure, human qualifications, awareness of managers and rewarding system.

Keywords: responsibility accounting, management decentralization, management responsibility.